

Bản án số: 27/2018/DS-ST

Ngày: 26-4-2018

V/v Yêu cầu hoàn trả tiền bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận
2. Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 và ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2017/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “Yêu cầu hoàn trả tiền bảo hiểm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* TNHH Bảo hiểm M; địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà CornerStone, 16 Ph, phường Tr, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Y.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ng L H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 352 Tr, Phường 2, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH T; địa chỉ: Số 81D/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ng A T.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông L Đ Ph, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 70/1E1, Đường L, Khu phố 5, phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Th V Ch – Luật sư Công ty luật G – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty TNHH Nh; địa chỉ: Số 18A, Lưu Trọng Lư, phường T, Quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông K.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Nh: Ông Đ Q H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 43 Cầu Xéo, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.2. Công ty V; địa chỉ: Số 25, Đường số 06, khu c, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: T.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty V: Bà H Th Y Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Công ty TNHH V Số 25, Đường số 6, khu c, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.3. Ông Ph V Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 251E/2, Khu B, phường Ph, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.4. Công ty K; địa chỉ: Số 422-424 Ung Văn Khiêm, Phường L, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Y.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty K: Ông Đ V H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 422-2424 Ung Văn Khiêm, Phường L, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.5. Công ty Bảo hiểm U; địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà TungShing Square, Số 2 Ngô Quyền, quận L, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông S.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Bảo hiểm U: Ông Đ Kh D; địa chỉ: Tầng 16, Tòa nhà Vincom center, 72 phố Lê Th, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.6. Công ty giám định C; địa chỉ: GO-02.12B Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường K, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ng M C, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Ng V L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 5, khu phố Kh, thị trấn Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4.2. Ông Ng Th L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 180/31B, đường B, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ng L H trình bày:

TNHH Bảo hiểm M (gọi tắt là Công ty bảo hiểm) có ký hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm của người chuyên chở với Công ty TNHH Nh (gọi tắt là Công ty Nh) theo hợp đồng số D20001170 PLB ngày 14 tháng 8 năm 2015. Nội dung hợp đồng: Tổng phí bảo hiểm: 102.273.773,80 VNĐ; thời hạn bảo hiểm: Từ

ngày 16 tháng 08 năm 2015 đến ngày 15 tháng 8 năm 2016; phạm vi bảo hiểm: Trách nhiệm của người chuyên chở.

Trong thời gian bảo hiểm, Công ty TNHH U (gọi tắt là Công ty U) ký Hợp đồng dịch vụ số 0005/KVL-DNCX-2010 với Công ty Nh. Theo đó, Công ty Nh cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển cho hàng nhập khẩu, vận chuyển lắp đặt máy móc thiết bị và một số dịch vụ khác theo yêu cầu của Công ty U. Phí dịch vụ được tính theo công việc cụ thể của từng lô hàng. Trong quá trình vận chuyển, ngày 29 tháng 01 năm 2016, Công ty U yêu cầu Công ty Nh vận chuyển 01 lò Oven (Model A45, số sêri D-451200105) từ nhà máy U 1 (Vsip 1) đến nhà máy U 4 (Khu công nghiệp Đại Đăng). Theo sự thỏa thuận giữa Công ty Nh và Công ty Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) thì Công ty Nh thuê Công ty T vận chuyển hàng hóa nêu trên từ nhà máy U 1 đến nhà máy U 4. Tuy nhiên, trong quá trình vận chuyển, xe tải Biển số 61C- 188.70 do nhân viên của Công ty T tên Ph V Đ điều khiển xe chạy đến đường của khu công nghiệp Đại Đăng (cách cổng Công ty U 4 khoảng 300m đến 400m) thì bị tuột dây làm hàng bị rơi xuống đường. Theo kết luận giám định ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH K, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại là 14,876.39 đô la Mỹ tương đương với 338.437.873 đồng Việt Nam. Công ty bảo hiểm đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty Nh. Công ty bảo hiểm cho rằng Công ty T gây thiệt hại trong quá trình chuyên chở nên căn cứ vào Điều 539, Điều 546 và Điều 577 Bộ luật Dân sự, Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm, nguyên đơn yêu cầu Công ty T bồi hoàn toàn bộ số tiền mà Công ty bảo hiểm đã bồi thường cho Công ty Nh là 338.437.873 đồng.

Đối với Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Nh và Công ty T nguyên đơn không biết có trước hay có sau khi xảy ra tai nạn. Tuy nhiên, khi giải quyết bồi thường thì nguyên đơn có yêu cầu Công ty Nh bổ sung hồ sơ bảo hiểm thì Công ty Nh bổ sung hợp đồng. Theo nguyên đơn việc giữa Công ty Nh và Công ty T ký Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhằm để thanh toán tiền cho nhau chứ không phải nhằm mục đích trục lợi từ Công ty Bảo hiểm vì nếu không có hợp đồng này thì Công ty Bảo hiểm vẫn thanh toán tiền cho Công ty Nh theo hợp đồng bảo hiểm và nguyên đơn cũng không tranh chấp đối với hợp đồng này.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông L Đ Ph trình bày:

Giữa Công ty Nh và Công ty T có thỏa thuận vận chuyển hàng hóa bằng miệng, cụ thể vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty Nh thuê Công ty T vận chuyển ba kiện hàng từ nhà máy U 1 (Vsip 1) đến nhà máy U 4 (Khu công nghiệp Đại Đăng). Sau khi thỏa thuận bằng miệng Công ty T có điều tài xế Ph V Đ đến nhận hàng từ nhà máy U 1 đến nhà máy U 4. Đến ngày 30 tháng 01 năm 2016 Công ty T mới biết thông tin là quá trình vận chuyển xe, ông Đ làm rơi kiện hàng xuống đường. Theo yêu cầu của Công ty Nh thì Công ty T có làm một Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 để hợp thức hóa hồ sơ yêu cầu Công ty Bảo hiểm bồi thường. Đối với kết luận giám

định ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Công ty TNHH K Công ty T không đồng ý, lý do hàng hóa bị thiệt hại lập tại biên bản hiện trường và hàng hóa để giám định không phải là một; Công ty Bảo hiểm không có quyền khởi kiện Công ty T vì hàng hóa trong quá trình vận chuyển là do Công ty T trông coi giám sát, không phải là Công ty N. Do vậy, không phát sinh trách nhiệm bồi thường từ Công ty Bảo hiểm. Việc tự thỏa thuận giữa Công ty Bảo hiểm và Công ty Nh là không có cơ sở nên không phát sinh quyền thế quyền của Công ty Bảo hiểm để yêu cầu Công ty T bồi thường. Công ty T không yêu cầu giám định lại tài sản vì Công ty T không xác định được tài sản bị thiệt hại và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng ông Đ Q H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Nh trình bày:

Công ty TNHH U ký Hợp đồng dịch vụ số 0005/KVL-DNCX-2010 với Công ty Nh. Theo đó, Công ty Nh cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển cho hàng nhập khẩu, vận chuyển lắp đặt máy móc thiết bị và một số dịch vụ khác theo yêu cầu của Công ty U. Phí dịch vụ được tính theo công việc cụ thể của từng lô hàng. Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Công ty U yêu cầu Công ty Nh vận chuyển 01 lò Oven (Model A45, số seri D-451200105) từ nhà máy U1 (Vsip 1) đến nhà máy U4 (Khu công nghiệp Đại Đăng). Theo sự thỏa thuận giữa Công ty Nh và Công ty T thì Công ty Nh có thuê Công ty T vận chuyển hàng hóa nêu trên từ nhà máy U 1 đến nhà máy U 4. Tuy nhiên, trong quá trình vận chuyển, ngày 29 tháng 01 năm 2016 xe tải Biển số 61C- 188.70 do nhân viên của Công ty T tên Ph V Đ điều khiển xe chạy đến đường cua khu công nghiệp Đại Đăng (cách cổng Công ty U 4 khoảng 300m đến 400m) thì bị tuột dây làm hàng hóa rơi xuống đường. Theo kết quả giám định ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Công ty K, xác định giá trị tài sản bị thiệt hại là 14,876,39 đô la Mỹ tương đương với 338.437.873 đồng Việt Nam. Công ty bảo hiểm đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty Nh và trước khi Công ty Bảo hiểm bồi thường cho Công ty Nh thì Công ty Nh đã bồi thường cho Công ty U số tiền nhiều hơn so với kết quả giám định. Tuy nhiên, Công ty Nh không có yêu cầu gì đối với số tiền mà Công ty Nh đã bồi thường cho Công ty U. Công ty Nh không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu độc lập.

Đối với Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty Nh có ý kiến: Giữa Công ty Nh và Công ty T có ký hợp đồng vận chuyển, nhưng đến ngày 29 tháng 01 năm 2016 thì thời hạn hợp đồng đã hết. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước và do công việc gấp nên sau khi nhận được yêu cầu chở hàng của Công ty U, Công ty Nh đã gọi điện thuê lại Công ty T chở hàng cho Công ty U. Sau khi sự việc xảy ra vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty Nh có làm Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 gửi đến Công ty T ký để bổ sung hồ sơ yêu cầu Công ty Bảo hiểm

bồi thường. Nay, Công ty Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng ông Đ V H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty K trình bày:

Công ty K được Công ty bảo hiểm chỉ định giám định đối với thiệt hại là máy Oven (tiếng việt là lò sấy) tại Công ty U. Công ty K đã thực hiện các thủ tục giám định tổn thất theo quy định, sau khi có kết quả giám định K đã gửi báo cáo kết quả giám định cho đơn vị yêu cầu và không nhận được bất cứ khiếu nại nào về kết luận giám định. Công ty K không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp giữa Công ty bảo hiểm và Công ty T.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bà H Th Y Tr là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH U trình bày:

Giữa Công ty U và Công ty Nh có mối quan hệ làm ăn từ lâu nên khi nào có hàng cần vận chuyển thì nhân viên của Công ty U gọi điện thoại cho Công ty Nh đến nhận hàng chở đi, hai bên không ký hợp đồng vận chuyển. Ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty U gọi điện thoại cho Công ty Nh đến vận chuyển tài sản là 1 máy sấy từ nhà máy U 1 (Vsip 1) đến nhà máy U 4 (Khu công nghiệp Đại Đăng). Sau đó có 01 tài xế đến Công ty U nhận hàng, nhưng Công ty không biết người tài xế đó là nhân viên của Công ty T vì giữa Công ty U và Công ty T không có mối quan hệ làm ăn nào.

Do tin tưởng nhau nên khi giao hàng cho tài xế, Công ty U không lập văn bản thể hiện cụ thể hàng cần vận chuyển. Khi xe đến Công ty nhận hàng thì nhân viên của Công ty U có trách nhiệm chỉ hàng cho họ, sau đó họ tự tháo lắp hàng và nâng lên xe. Kể từ thời điểm này Công ty được thuê vận chuyển phải chịu trách nhiệm quản lý hàng cho đến khi giao hàng và lắp hàng xong.

Công ty U không có ý gì về việc giải quyết vụ án vì giữa Công ty U và Công Nh đã thỏa thuận xong về việc giải quyết bồi thường.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng ông Ph V Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông là nhân viên tài xế của Công ty T. Vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty T điều ông đến Công ty U 1 để chở hàng đến Công ty U 4. Khi xe chạy đến đường của khu công nghiệp Đại Đăng (cách cổng Công ty U 4 khoảng 300m đến 400m) thì bị tuột dây làm hàng rơi xuống đường. Sau khi sự việc xảy ra ông gọi điện báo cho nhân viên của Công ty Nh biết sự việc máy bị rơi. Khoảng 20 phút sau thì ông T, là người đại diện theo pháp luật của Công ty T gọi điện lại cho ông và nói chờ Công ty Nh đến để giải quyết. Khoảng hơn một giờ sau có người của Công U và người của Công Nh đến hiện trường. Lúc đó nhân viên của Công ty T tính cầu hàng lên xe, nhưng mọi người không cho cầu hàng lên và yêu cầu giữ nguyên hiện trường để chờ bảo hiểm đến kiểm tra lập biên bản. Khoảng 2 giờ sau có người của bên bảo hiểm hay người của cơ quan giám định đến kiểm tra chụp lại hiện trường. Ông xác định từ khi máy bị rơi

xuống đất đến khi người của bên bảo hiểm hay người của cơ quan giám định đến thì máy không bị xê dịch và thời gian này ông cũng không rời khỏi hiện trường. Sau khi kiểm tra xong, tất cả mọi người cùng về Công ty U 4 để lập biên bản hiện trường và ông làm bản giải trình về sự việc. Tuy nhiên, bản giải trình có nội dung “Công ty T cử ông tới Công ty Nh để vận chuyển thiết bị máy móc và sau sự việc xảy ra cùng với sự giúp đỡ của công ty chúng tôi đưa hàng lên xe để chở đến Công TNHH U4” là không đúng vì thực tế là Công ty T cử ông đến Công ty Uc1 chở hàng đến Công ty U 4 chứ không phải chở hàng từ Công ty Nh đến Công ty U 4. Nay, ông không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và không có yêu cầu độc lập.

Theo bản tự khai của ông Đ Kh D là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Bảo hiểm U trình bày:

Công ty Bảo hiểm U (sau đây gọi tắt là Công ty U) có giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản cho khách hàng là Công TNHH U (gọi tắt là Công ty U) theo Hợp đồng bảo hiểm số PAR150539SYD.C.BI ngày 01 tháng 10 năm 2015, thời hạn bảo hiểm từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017. Vào ngày 29 tháng 01 năm 2016, Công ty U nhận được thông báo về sự cố tổn thất tài sản của Công ty U xảy ra trên đường vận chuyển. Ngay sau khi nhận được thông báo Công ty U đã chỉ định Công ty giám định C (sau đây gọi tắt là Công ty C) làm đơn vị giám định độc lập cho tổn thất này. Trong ngày Công ty C đã cử giám định viên xuống hiện trường để giám định thiệt hại.

Biên bản hiện trường được lập vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 thể hiện có 01 máy sấy của Công ty U trong quá trình vận chuyển từ Khu công nghiệp Vsip về khu công nghiệp Đại Đăng bị rơi khi đang vận chuyển trên đường Điện Biên Phủ. Theo ý kiến của tài xế xe xác định nguyên nhân rơi là do cáp buộc hàng hóa bị tuột khi xe đang vào khúc cua; máy sấy bị bóp méo phần cánh cửa và tấm vỏ của bảng điều khiển, tuy nhiên chưa kiểm tra bên trong.

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2016 Công ty U, Công ty , Công ty Nh, Công ty giám định N đã tiến hành làm việc, tiếp tục kiểm tra đánh giá mức độ thiệt hại của lò sấy. Cũng trong ngày 01 tháng 02 năm 2016 Công ty U nhận được thông báo từ Công ty U do bên vận chuyển Nh đã đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty U nên Công ty U chính thức không yêu cầu Công ty U mở thủ tục bồi thường bảo hiểm cho tổn thất này nên Công ty U cho dừng mọi hoạt động liên quan đến việc giải quyết bồi thường, đồng thời cũng yêu cầu Công ty C dừng luôn việc giám định.

Do Công ty U từ bỏ quyền của người được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản bị hư hỏng và miễn cho Công ty U nghĩa vụ trả tiền bồi thường bảo hiểm nên mọi nghĩa vụ của Công ty U đối với Công ty U theo hợp đồng bảo hiểm về tổn thất nêu trên đã chấm dứt kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016. Vì vậy Công ty U không có quyền, nghĩa vụ liên quan gì đối với tài sản bị thiệt hại nêu trên. Tuy nhiên, theo luật kinh doanh bảo hiểm nếu Công ty U có yêu cầu Công ty U trả tiền bồi thường, thì sau khi Công ty U đã trả tiền bồi thường xong, Công ty U sẽ có nghĩa vụ phải chuyển giao cho Công ty U quyền

đòi bên thứ ba đã gây ra tổn thất bồi hoàn lại số tiền mà Công ty U đã bồi thường cho Công ty U.

Theo bản tự khai của người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH giám định Công Ng M C trình bày:

Ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty U chỉ định cho Công ty C làm đơn vị giám định độc lập cho tài sản bị tổn thất là máy móc thiết bị của Công ty U xảy ra trên đường vận chuyển. Ngay sau khi nhận được thông tin Công ty C đã cử giám định viên xuống hiện trường để giám định thiệt hại. Theo biên bản hiện trường được lập vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 thể hiện có 01 máy sấy của Công ty U trong quá trình vận chuyển từ Khu công nghiệp Vsip về khu công nghiệp Đại Đăng bị rơi khi đang vận chuyển trên đường Điện Biên Phủ. Theo ý kiến của tài xế xe xác định nguyên nhân rơi là do cáp buộc hàng hóa bị tuột khi xe đang vào khúc cua; máy sấy bị bóp méo phần cánh cửa và tấm vỏ của bảng điều khiển, tuy nhiên chưa kiểm tra bên trong.

Ngày 01 tháng 02 năm 2016 Công ty U, Công ty C, Công ty Nh, Công ty giám định N đã tiến hành làm việc, tiếp tục kiểm tra đánh giá mức độ thiệt hại của lò sấy. Cũng trong ngày 01 tháng 02 năm 2016 Công ty U nhận được thông báo từ Công ty U do bên vận chuyển Nh đã đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty U và Công ty U chính thức không yêu cầu Công ty U mở thủ tục bồi thường nên Công ty U đã yêu cầu Công ty C dừng mọi hoạt động giám định nên Công ty C đóng hồ sơ.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Ng Th L trình bày:

Ông là nhân viên của Công ty Nh. Vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 ông nhận được lệnh của Công ty cử đến Công ty U 1 để bốc xếp hàng hóa lên xe cho xe của Công ty T vận chuyển đến Công ty U. Hàng hóa được vận chuyển gồm nhiều máy móc như máy hấp, kệ bàn ghế, cầu chữ A, tủ điện, máy ép và một số máy móc khác ông không nhớ. Sau khi bốc xếp hàng xong lên xe, tài xế của Công ty T vận chuyển đến Công ty U 4 (ông có cử nhân viên của Công ty Nh đi theo để áp tải, nhưng cụ thể là ai ông không nhớ). Khoảng một giờ sau người áp tải gọi điện thoại thông báo cho ông máy đã bị rơi ở ngã ba đường vào Công ty U 4. Sau đó ông chạy xe xuống hiện trường thì thấy máy móc bị rơi xuống đường và tài xế chuẩn bị đưa hàng lên xe thì ông yêu cầu để nguyên hiện trường, đồng thời ông thông báo về Công ty Nh và chụp lại hiện trường bằng thiết bị điện thoại. Sau khi chụp xong ông gửi hình ảnh về cho Công ty. Ông xác định sự việc xe vận chuyển bị rơi máy móc là có thật. Tuy nhiên, ông không rõ tên máy, số hiệu sêri, nhưng hình ảnh ông chụp lại là đúng sự thật không có việc chỉnh sửa hay ghép hình. Hiện nay điện thoại dùng để chụp lại hiện trường và thẻ nhớ đã bị mất nên ông không cung cấp hình ảnh gốc và điện thoại cho Tòa án.

Theo bản tự khai của người làm chứng ông Ng V L trình bày:

Ông là nhân viên của Công ty Nh. Vào ngày 19 tháng 01 năm 2016 ông được Công ty điều động đến Công ty U 1 để phụ bốc xếp hàng lên xe gồm máy, bàn ghế và các phụ kiện khác ông không nhớ. Sau khi xếp hàng lên xe xong, ông

được ông L cử chạy theo giám sát xe. Khi xe của ông chạy đến đường vào Công ty U 4 thì ông nhìn thấy xe chở máy đi trước đã làm rơi máy xuống đường và ông thấy tài xế xe đang tính đưa hàng lên xe nên ông gọi điện báo cho ông L thì ông L yêu cầu giữ nguyên hiện trường. Khoảng 15 phút đến 30 phút sau ông L chạy xe đến và chụp lại hiện trường. Ông xác định 11 bản ảnh mà Tòa án cho ông xem là phù hợp với hiện trường mà ông đã chứng kiến. Ngoài ra ông không biết gì khác.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Công ty bảo hiểm bồi thường thiệt hại cho Công ty Nh trước khi có kết luận giám định của Công ty N đã thể hiện sự không trung thực và chứng thư giám định của Công ty N được lập chỉ nhằm hợp thức hóa thỏa thuận bồi thường giữa Công ty Nh và Công ty U mà các bên đã thực hiện trước đó; Công ty Bảo hiểm và Công ty Nh tự thỏa thuận và lập không tờ Biên nhận và thế quyền ngày 20 tháng 12 năm 2016; Công ty Bảo hiểm và Công ty Nh tự cho rằng hàng hóa bị thiệt hại do tai nạn ngày 29 tháng 01 năm 2016 là máy sấy, nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh; máy sấy bị thiệt hại tại hiện trường với máy sấy giám định theo chứng thư giám định ngày 23 tháng 12 năm 2016 không phải là một; cơ sở phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, quyền thế quyền và quyền yêu cầu khởi kiện của Công ty Bảo hiểm là không có. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp dân sự Yêu cầu hoàn trả tiền bảo hiểm do lỗi của người thứ 3. Vì vậy, việc Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại và xác định quan hệ pháp luật là chưa chính xác, cần phải điều chỉnh lại là án dân sự và quan hệ pháp luật cho phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Bảo hiểm G (sau đây gọi tắt là Công ty bảo hiểm) khởi kiện Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có trụ sở: Số 81D/2, khu phố 1B, phường A, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Công ty Bảo hiểm khởi kiện yêu cầu Công ty T hoàn trả số tiền mà Công ty bảo hiểm đã bồi thường cho Công ty U thay cho Công ty Nh nên đây là quan hệ pháp luật Yêu cầu hoàn trả tiền bảo hiểm trong vụ án dân sự theo quy định tại Điều 577 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm, không phải là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đã được xác định trong thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02/2018/QĐST – KDTM ngày 12 tháng 02 năm 2018.

[3] Về người tham gia tố tụng: Quá trình tố tụng các đương sự xác định nhà xưởng U1 (Vsip 1) và nhà xưởng U 4 (khu công nghiệp Đại Đăng) là Công ty U 1 và Công ty U 4. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty U và giấy chứng nhận đầu tư có căn cứ xác định Công ty U có 04 nhà xưởng, trong đó có nhà xưởng thứ nhất đóng tại Khu công nghiệp Việt Nam Singapore (Vsip 1) và nhà xưởng thứ 4 đóng tại Khu công nghiệp Đại Đăng. Do đó, Tòa án chỉ đưa Công ty TNHH U vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Ông Đ Q H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Nh; bà H Th Y Tr là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH U; ông Ph V Đ; ông Đ V H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N; ông Đ Kh D là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Bảo hiểm U; Ông Ng M C là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH giám định C; ông Ng V L; ông Ng Th L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Công ty bảo hiểm căn cứ vào hợp đồng bảo hiểm với Công ty Nh số: D20001170 PLB có nội dung: thời hạn bảo hiểm từ ngày 16 tháng 8 năm 2015 đến ngày 15 tháng 8 năm 2016, đối tượng bảo hiểm là trách nhiệm của người chuyên chở, được mở rộng đối với thiệt hại hoặc tổn thất của hàng hóa, tài sản. Hợp đồng tuân thủ về hình thức được quy định tại Điều 570 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Ngày 29 tháng 01 năm 2016, nhân viên của Công ty T điều khiển xe tải đến đoạn đường của khu công nghiệp Đại Đăng, thành phố Thủ Dầu Một thì xe bị tuột dây, hàng rơi xuống đường, làm thiệt hại tài sản ở trên xe là lò Oven (máy sấy) của Công ty U thuê Công ty Nh vận chuyển. Theo báo cáo giám định ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Công ty N, giá trị tài sản bị thiệt hại là 338.437.873 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm số D20001170 PLB Công ty bảo hiểm đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty U thay Công ty Nh. Do Công ty T là người gây ra thiệt hại và Công ty bảo hiểm đã thanh toán thiệt hại cho Công ty U. Điều này được Công ty Nh và Công ty U thừa nhận. Vì vậy, Công ty Bảo hiểm có quyền khởi kiện bên thứ 3 là Công ty T đã gây thiệt hại trong quá trình vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa theo quy định tại Điều 577 Bộ luật Dân sự và Điều 17, 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

[6] Quá trình tố tụng Công ty T cung cấp Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 được ký kết giữa Công ty Nh và Công ty T, hiệu lực của hợp đồng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Công ty Nh và Công ty T đều thừa nhận hợp đồng này được ký sau ngày xảy ra tai nạn ngày 29 tháng 01 năm 2016 và các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng số 01. Mặt khác, hợp đồng này có thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 nên Tòa án không xem xét, giải quyết Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016.

[7] Quá trình tố tụng, Công ty Nh và Công ty T thừa nhận giữa 02 công ty có mối quan hệ làm ăn từ lâu. Ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty Nh thuê Công ty T vận chuyển hàng hóa của Công ty U từ nhà xưởng U 1 (Vsip) đến nhà xưởng U 4 (khu công nghiệp Đại Đăng). Trên đường đi xe do ông Ph V Đ là tài xế của Công ty T điều khiển để xảy ra tuột dây làm rơi hàng xuống đường; Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 được ký sau ngày 29 tháng 01 năm 2016. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tại Điều 536 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hình thức của hợp đồng vận chuyển tài sản “Hợp đồng vận chuyển tài sản được giao kết bằng lời nói hoặc bằng văn bản”. Như vậy, hợp đồng vận chuyển hàng hóa ngày 29 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Nh và Công ty T chỉ thỏa thuận bằng miệng vì Hợp đồng vận chuyển số 01/01/2016/HĐVC ngày 01 tháng 01 năm 2016 các đương sự ký sau ngày xảy ra sự kiện ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, sự thỏa thuận bằng miệng giữa Công ty Nh và Công ty T là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên quyền và nghĩa vụ của bên vận chuyển và bên thuê vận chuyển sẽ được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự năm 2005.

[9] Bị đơn thừa nhận hàng vận chuyển trên xe ngày 29 tháng 01 năm 2016 là do Công ty T chịu trách nhiệm bảo đảm, trông coi, giám sát. Tuy nhiên, không có căn cứ xác định hàng bị thiệt hại và hàng cần giám định trong vụ án này là một; Công ty Nh và Công ty U có sự cấu kết với nhau để nhận tiền bảo hiểm; kết luận giám định cho thấy trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa là máy sấy là của Công ty bảo hiểm U.

[10] Xét lời trình bày của bị đơn cho rằng giữa Công ty Nh và Công ty U có sự cấu kết để được bồi thường tiền bảo hiểm nên đã có đơn tố cáo gửi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy báo tin số 11/GBF VKSBD-P1 ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xác định nội dung đơn tố cáo của Công ty T thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã chuyển đơn tố cáo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một. Theo Phiếu hướng dẫn ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một có nội dung không thụ lý đơn tố cáo của Công ty T và hướng dẫn Công ty T tiếp tục liên hệ với Tòa án nhân dân thị xã Thuận An để được giải quyết

bằng một vụ án dân sự theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xác định giữa Công ty Nh và Công ty U có sự câu kết để được bồi thường tiền bảo hiểm.

[11] Kết luận giám định có phần thể hiện “Bảo hiểm tài sản là của Công ty Bảo hiểm U bồi thường các thiệt hại đối với hàng hóa....”. Căn cứ vào lời khai của Công ty U xác định Công ty U có giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản cho khách hàng là Công ty U theo hợp đồng bảo hiểm số PAR150539SYD.C.BI ngày 01 tháng 10 năm 2015. Ngày 29 tháng 01 năm 2016, Công ty U nhận được thông báo về sự cố tổn thất tài sản của Công ty U nên công ty U đã chỉ định Công ty giám định C làm đơn vị giám định độc lập cho tổn thất này. Ngày 01 tháng 02 năm 2016 Công ty U nhận được thông báo từ Công ty U không yêu cầu Công ty U mở thủ tục bồi thường bảo hiểm cho tổn thất này nên Công ty U cho dừng mọi hoạt động liên quan đến việc giải quyết bồi thường, đồng thời cũng yêu cầu Công ty C dừng luôn việc giám định. Như vậy, giữa Công ty U và Công ty U có ký kết hợp đồng bảo hiểm, sau khi sự việc xảy ra Công ty U yêu cầu Công ty U thực hiện việc bồi thường. Tuy nhiên, do Công ty Nh là người được Công ty U thuê vận chuyển có ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm M và đồng ý bồi thường cho Công ty U nên Công ty U rút yêu cầu bồi thường đối với Công ty U. Do đó, kết luận giám định thể hiện rõ Công ty U là bảo hiểm khác và Công ty bảo hiểm phi nhân thọ M mới là người chịu trách nhiệm bồi thường cho thiệt hại này nên mới có việc Công ty bảo hiểm M yêu cầu Công ty N tiếp tục thực hiện công việc giám định.

[12] Bị đơn cho rằng không có căn cứ xác định hàng bị thiệt hại và hàng cần giám định trong vụ án này là một. Xét thấy, ông Đ là tài xế của Công ty T và cũng là người trực tiếp vận chuyển hàng hóa bị rơi xảy ra ngày 29 tháng 01 năm 2016 xác định: Vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 Công ty T điều ông Đ đến nhà xưởng U 1 để vận chuyển hàng đến nhà xưởng U 4, hàng vận chuyển là máy móc. Khi xe chạy đến đường của Khu công nghiệp Đại Đăng thì bị tuột dây và hàng rơi xuống đường, sau đó ông dừng xe và kiểm tra thì phát hiện máy bị móp. Sau khi sự việc xảy ra ông Đ gọi điện báo cho nhân viên của Công ty Nh. Khoảng 20 phút sau ông T, là người đại diện theo pháp luật của Công ty T gọi điện lại cho ông nói chờ Công ty Nh đến để giải quyết; từ khi máy bị rơi xuống đường đến khi người của bên bảo hiểm hay người của cơ quan giám định đến thì máy không bị xê dịch và thời gian này ông cũng không rời khỏi hiện trường. Tuy nhiên, ông chỉ biết hàng bị rơi là một cái máy, còn cụ thể là hàng gì ông Đ không biết. Như vậy, theo lời khai của ông Đ thì có căn cứ xác định vật bị rơi xuống đường là một cái máy là có thực, nhưng ông Đ cũng không xác định được là máy gì; sau khi sự việc xảy ra ông T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T có biết sự việc, nhưng lại không đến hiện trường và để cho ông Đ cùng Công ty Nh tự xử lý là lỗi của ông T. Tuy nhiên, khi Cơ quan giám định C lập biên bản giám định hiện trường lại không thể hiện số hiệu, số seri mà chỉ thể hiện máy bị rơi là 01 máy sấy Oven; theo mô tả biên bản giám định hiện trường máy sấy bị móp méo phần cánh cửa và tấm vỏ bên bảng điều khiển, trong khi

máy sấy giám định lại thể hiện máy bị trầy xước, bị móp, bị cong và bị vỡ (tức là có sự khác biệt với mô tả máy ở hiện trường); khi máy kiểm tra xong được nâng lên xe đưa vào nhà xưởng U 4, nhưng lại không làm thủ tục niêm phong máy. Mặt khác, lời khai của bà Tr là người đại diện theo ủy quyền của Công ty U xác định khi giao hàng cho tài xế, do tin tưởng nên Công ty không lập hóa đơn, chứng từ thể hiện hàng vận chuyển là máy sấy và thể hiện số hiệu, số sêri của máy. Quá trình tố tụng Tòa án giải thích nếu không đồng ý với kết luận giám định thì Công ty T có quyền yêu cầu giám định lại, nhưng Công ty T không yêu cầu giám định lại vì cho rằng không có căn cứ để xác định máy sấy hiện tại Công ty Nh đang lưu giữ có phải là máy sấy bị rơi ngày 29 tháng 01 năm 2016 hay không. Như vậy, đáng lẽ ra khi giải quyết thanh toán tiền bảo hiểm cho Công ty Nh thì Công ty bảo hiểm phải yêu cầu các bên làm rõ vấn đề này, nhưng Công ty bảo hiểm không yêu cầu mà chỉ căn cứ vào kết luận giám định để thanh toán tiền bảo hiểm cho Công ty Nh là chưa phù hợp. Mặt khác, chứng thư giám định của Công ty N thể hiện ngày 23 tháng 12 năm 2016, nhưng theo biên nhận và thể quyền ngày 20 tháng 12 năm 2016 thì Công ty Bảo hiểm đã thanh toán tiền cho Công ty Nh là có sự mâu thuẫn nhau về thời gian vì thời điểm này các bên đều chưa biết rõ số tiền bị thiệt hại cụ thể là bao nhiêu, nhưng sau đó kết luận giám định lại thể hiện đúng số tiền mà Công ty Bảo hiểm đã thanh toán cho Công ty Nh, điều này rất dễ gây sự hiểu lầm giữa các bên và thực tế bị đơn cũng có ý kiến cho rằng việc thanh toán tiền thiệt hại giữa nguyên đơn và Công ty Nh có sự không trung thực nên Công ty bảo hiểm cần phải rút kinh nghiệm cho những vụ việc khác.

[13] Tại phiên tòa ngày 26 tháng 3 năm 2018 nguyên đơn cung cấp chứng cứ là 11 bản ảnh do nhân viên của Công ty Nh chụp lại tại hiện trường xảy ra ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tại bản tự khai và bản trình bày của người làm chứng ông Ng Th L xác định ông là nhân viên của Công ty Nh, 11 bản ảnh nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là do ông chụp lại bằng điện thoại khi xảy ra sự việc, nhưng hiện nay điện thoại dùng để chụp ảnh và thẻ nhớ của điện thoại đã bị mất nên không cung cấp được bản ảnh gốc cũng như điện thoại, thẻ nhớ cho Tòa án. Phía bị đơn thì cho rằng 11 bản ảnh nguyên đơn cung cấp không chứng minh được hàng hóa vận chuyển là máy có số hiệu, số sêri như máy được giám định và hình ảnh có phần can thiệp chỉnh sửa vào file gốc. Để có căn cứ xác định xuất xứ của tài liệu, thời gian, địa điểm chụp hình và có việc chỉnh sửa, lắp ghép hình ảnh hay không, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Nh cung cấp 11 bản ảnh gốc và phương tiện chụp hình để thực hiện công việc giám định, nhưng đến nay không cung cấp được cho Tòa án. Do đó, 11 bản ảnh nguyên đơn cung cấp không được coi là chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Do nguyên đơn không chứng minh được máy sấy bị rơi tại hiện trường ngày 29 tháng 01 năm 2016 hiện nay đang được lưu giữ tại Công ty Nh và máy sấy cần giám định là một nên không có căn cứ để Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và vị đại diện Việem kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 535, Điều 536, Điều 539, Điều 567, Điều 569, Điều 570, Điều 576, Điều 577 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 14, Điều 17, Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH bảo hiểm M về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH T hoàn trả số tiền bảo hiểm là 338.437.873 đồng (Ba trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH bảo hiểm M phải chịu 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Công ty TNHH bảo hiểm M đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH bảo hiểm M phải chịu 16.921.893 đồng (Mười sáu triệu chín trăm hai mươi một ngàn tám trăm chín mươi ba đồng), được khấu trừ 8.460.947 đồng (Tám triệu bốn trăm sáu mươi ngàn chín trăm bốn mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0017780 ngày 26/9/2017 (do ông Ng L H nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH bảo hiểm M còn phải nộp 8.460.946 đồng (Tám triệu bốn trăm sáu mươi ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

